UBND TỈNH BÌNH THUẬN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 12 tháng 12 năm 2018

KẾT QUẢ ĐIỂM KIỂM TRA LẦN 1

Lớp Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, chương trình chuyên viên
Khóa 26 (Năm 2018), dành cho thị xã La Gi
Ngày kiểm tra: 18/11/2018

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
01	01	Trần	Anh	10/5/1964	Quảng Nam	26	6.5	Sáu rưỡi	
02	02	Đinh Tấn	Anh	10/4/1965	Quảng Nam	73	7.0	Bảy	
03	03	Đỗ Văn	Anh	28/7/1966	Thanh Hóa	21	7.0	Bảy	
04	04	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/12/1974	Bắc Cạn	64	7.0	Bảy	
05	05	Hà Thanh	Bình	18/3/1973	Hà Nội	39	6.5	Sáu rưỡi	
06	06	Trác Xuân	Bình	15/5/1973	Bình Thuận	35	7.5	Bảy rưỡi	
07	07	Huỳnh Thanh	Bình	18/4/1981	Bình Thuận	52	5.5	Năm rưỡi	
08	08	Nguyễn Thanh	Bình	01/10/1968	Bình Thuận	67	6.0	Sáu	
09	09	Lê Gia	Cảnh	14/01/1978	Bình Thuận	45	7.0	Bảy	
10	10	Lý Thanh	Cảnh	04/11/1984	Bình Thuận	16	7.0	Bảy	
11	11	Huỳnh Tấn	Dũng	21/7/1984	Bình Thuận	20	6.5	Sáu rưỡi	
12	12	Nguyễn Trọng Thúy	Đào	23/5/1984	Bình Thuận	54	5.5	Năm rưỡi	
13	13	Lê Thị Trường	Đức	17/3/1984	Quảng trị	53	5.5	Năm rưỡi	
14	14	Võ Văn	Hải	12/10/1977	Đắk Lắk	37	5.0	Năm	
15	15	Hà Thanh	Hải	26/9/1969	Bình Thuận	59	6.0	Sáu	
16	16	Trương Hồng	Hải	23/9/1984	Tiền Giang	72	5.0	Năm	
	17	Đỗ Hồng	Hân	20/01/1974	Bình Thuận				*Không đủ điều kiện*
17	18	Đinh Thị Mỹ	Hằng	17/7/1974	Hà Tĩnh	49	6.5	Sáu rưỡi	
18	19	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	23/12/1984	Bình Thuận	69	7.0	Bảy	
19	20	Trần Thị	Huệ	17/3/1965	Bình Thuận	31	7.0	Bảy	
20	21	Lương Minh	Hùng	29/9/1977	Bình Thuận	46	7.0	Bảy	
21	22	Trần Thế	Hùng	22/5/1980	Bình Định	38	6.5	Sáu rưỡi	
22	23	Ngô Thái Thạnh	Hưng	1977	Bình Thuận	27	7.0	Bảy	
23	24	Trương Thị Thanh	Hương	02/02/1978	Bình Thuận	23	7.5	Bảy rưỡi	
24	25	Đỗ Văn	Hưởng	10/7/1984	Nam Định	14	7.0	Bảy	
25	26	Nguyễn Văn	Khánh	06/6/1981	Quảng Nam	10	7.5	Bảy rưỡi	
26	27	Đỗ Duy Anh	Khoa	25/11/1989	Bình Thuận	50	6.5	Sáu rưỡi	
27	28	Nguyễn An	Khôi	22/02/1988	Bình Thuận	29	7.0	Bảy	
28	29	Phan Vũ Anh	Kiệt	31/12/1966	Bình Thuận	36	7.0	Bảy	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
29	30	Đỗ Thành	Lưu	20/6/1982	Quảng Ngãi	22	7.0	Bảy	
30	31	Huỳnh Đức	Mai	20/10/1966	Yên Bái	74	6.0	Sáu	
31	32	Vũ Văn	Mạnh	23/7/1981	Nam Định	51	6.5	Sáu rưỡi	
	33	Phan Phụng	Minh	12/7/1984	Phú Yên				*Thôi học*
32	34	Lữ Duy	Minh	06/4/1962	Bình Thuận	66	7.0	Bảy	
33	35	Mai Thị	Mùi	23/12/1991	Thanh Hóa	32	7.5	Bảy rưỡi	
34	36	Đỗ Vũ Ngọc	Nam	13/3/1984	Bình Thuận	33	7.5	Bảy rưỡi	
35	37	Trần Hiếu	Nam	03/4/1978	Đắk Lắk	68	6.0	Sáu	
36	38	Quảng Thị Thúy	Nga	12/02/1974	Quảng Nam	60	6.5	Sáu rưỡi	
37	39	Lê Bảo	Nguyên	03/10/1980	Bình Thuận	43	7.0	Bảy	
38	40	Phạm Thanh	Nhã	06/6/1988	Bình Thuận	28	7.0	Bảy	
39	41	Ngô Hữu	Nhơn	03/5/1977	Bình Thuận	25	6.5	Sáu rưỡi	
40	42	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	30/9/1979	Bình Thuận	47	7.0	Bảy	
41	43	Trần Thị Phương	Nhung	17/6/1971	Bình Thuận	17	7.0	Bảy	
42	44	Nguyễn Thị Kim	Oanh	16/4/1970	Bắc Cạn	19	7.0	Bảy	
43	45	Trần Đình	Phú	26/3/1982	Bình Thuận	55	6.5	Sáu rưỡi	
44	46	Huỳnh Ngọc	Phú	20/11/1980	Bình Thuận	57	6.0	Sáu	
45	47	Lê Hoàng	Phúc	09/4/1964	Phú Yên	44	6.5	Sáu rưỡi	
46	48	Lê Đình	Phúc	20/5/1986	Bình Thuận	71	6.0	Sáu	
47	49	Thiên Quốc	Phúc	27/02/1979	Bình Thuận	62	6.5	Sáu rưỡi	
48	50	Nguyễn Thị Xuân	Phương	02/12/1984	Bình Thuận	41	7.5	Bảy rưỡi	
49	51	Đinh Hùng	Quang	28/4/1983	Bình Thuận	13	7.0	Bảy	
50	52	Nguyễn Vĩnh Kim	Quy	01/9/1980	Thừa Thiên Huế	24	7.0	Bảy	
51	53	Võ Thành	Quý	10/5/1966	Bình Thuận	7	7.0	Bảy	
52	54	Lê	Quyên	07/6/1983	Bình Thuận	65	6.0	Sáu	
53	55	Mai Đình	Sinh	09/10/1973	Thanh Hóa	11	6.5	Sáu rưỡi	
54	56	Phan Xuân	Sinh	10/9/1977	Bình Thuận	15	7.5	Bảy rưỡi	
55	57	Trương Tấn	Tâm	11/11/1968	Bình Thuận	9	5.0	Năm	
56	58	Nguyễn Văn	Tấn	1968	Bình Thuận	18	6.5	Sáu rưỡi	
57	59	Mai Đình	Thái	02/8/1969	Thanh Hóa	30	6.5	Sáu rưỡi	
58	60	Nguyễn Văn	Thanh	31/3/1981	Bình Thuận	2	5.0	Năm	
	61	Nguyễn Thị	Thanh	11/2/1978	Bình Thuận				*Không đủ điều kiện*
59	62	Lê Tiến	Thành	10/12/1974	Bình Thuận	48	6.5	Sáu rưỡi	
60	63	Lê Quang	Thạnh	28/11/1978	Bình Thuận	8	6.5	Sáu rưỡi	
61	64	Lương Thị	Thạnh	22/02/1971	Quảng Nam	4	7.0	Bảy	
62	65	Hà Văn	Thoại	01/02/1983	Bình Định	5	7.0	Bảy	
63	66	Đinh Văn Quốc	Thuận	01/8/1987	Bình Thuận	70	6.0	Sáu	
64	67	Nguyễn Thị Kim	Thúy	04/10/1979	Kiên Giang	3	6.5	Sáu rưỡi	

STT	SBD	Họ và tên		Năm sinh	Nơi sinh	Số phách	Điểm		Ghi chú
							Bằng số	Bằng chữ	
65	68	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	16/11/1987	Bình Thuận	12	7.0	Bảy	
	69	Võ Hữu	Trí	20/4/1981	Bình Định				*Không đủ điều kiện*
66	70	Lê Vũ Minh	Trúc	24/3/1983	Bình Thuận	40	7.0	Bảy	
67	71	Võ Nhật	Trường	02/9/1985	Bình Thuận	6	7.0	Bảy	
68	72	Phan Anh	Tuấn	29/12/1974	Nghệ An	1	7.0	Bảy	
69	73	Huỳnh Thanh Quốc	Việt	03/02/1976	Bình Thuận	58	6.0	Sáu	
70	74	Trần Nguyễn Trung	Việt	03/02/1980	Bình Thuận	61	5.5	Năm rưỡi	
	75	Huỳnh Minh	Việt	14/12/1980	Bình Thuận				*Không đủ điều kiện*
	76	Võ Hoài	Vĩnh	08/4/1979	Quảng Nam				*Không đủ điều kiện*
71	77	Trần Huỳnh	Vũ	22/3/1979	Bình Thuận	63	6.5	Sáu rưỡi	
72	78	Võ Minh	Vương	30/12/1977	Bình Thuận	56	6.5	Sáu rưỡi	
73	79	Nguyễn Vũ	Vương	08/10/1988	Bình Thuận	34	7.5	Bảy rưỡi	
74	80	Lê Thị Nhã	Vy	14/3/1984	Bình Thuận	42	7.5	Bảy rưỡi	

Tổng số bài: 74 bài

Trong đó:

* Điểm 7.5: 09 bài
* Điểm 7.0: 28 bài
* Điểm 6.5: 20 bài
* Điểm 6.0: 09 bài
* Điểm 5.5: 04 bài
* Điểm 5.0: 04 bài

Tỷ lệ:

Khá: 37 bài (Tỉ lệ: 50.00 %)

TB: 37 bài (Tỉ lệ: 50.00 %)

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Đinh Thị Thương

TRƯỞNG KHOA NN VÀ PL

ThS. Nguyễn Duy Hà

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Ký bởi: Trường Chính trị tỉnh Bình Thuận
Email: tct@binhthuan.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận
Thời gian ký: 03.04.2019 15:01:37 +07:00

Ký bởi: Nguyễn Thị Như Yến
Email: yenntn@tct.binhthuan.gov.vn
Cơ quan: Trường Chính trị, Tỉnh Bình Thuận
Thời gian ký: 03.04.2019

ThS. Nguyễn Thị Như Yến